

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HS-ST

Ngày: 22 – 10 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- THnh phần Oi đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm

Các Oi thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Ngọc Tải

Ông Nguyễn Hoàng Diễm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn THnh Đô – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu THnh A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh A, Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu THnh A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2018/TLST-HS, ngày 13 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

- Lê Văn A, sinh năm: 1985 tại huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; tên gọi khác: Không có; nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Hồ Thị C; bị cáo chung sống như vợ chồng với Bùi Thị Kim Thư, sinh năm 1988, có 01 người con sinh năm 2014; tiền án: Không có; tiền sự: Không có; nhân thân: tốt; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Tiến Chinh – Văn phòng luật sư Hoàng Long – Chi nhánh số 2 thuộc đoàn luật sư tHnh phố Cần Thơ – có mặt.

Địa chỉ: Ấp Thị Tứ, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Bị hại: Công ty TNHH SGH.GR

Địa chỉ công ty: Lô C08, đường số 02, cụm công nghiệp 1, khu công nghiệp 2, xã 3, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Đào Văn H, sinh năm: 1984 – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH SGH.GR – có mặt.

Địa chỉ: 09, Lê Văn 10, phường 11, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Số 54, xã 55, phường 56, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm: 1990 (là người đại diện hợp pháp O kinh doanh Mùa Vàng); địa chỉ: Số 3, ấp 5, thị trấn 7, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang - có mặt.

2. Lý Ngọc P, sinh năm: 1988 (là người đại diện hợp pháp O kinh doanh Cửa Hng VTNN Bảo Nhi); địa chỉ: Số 18, phường 19, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

3. Hồ Thị Mỹ T, sinh năm: 1986 (là người đại diện hợp pháp O kinh doanh Hồ Thị Mỹ T); địa chỉ: Ấp AB, xã BC, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang – vắng mặt.

4. Phan Văn O, sinh năm: 1990 (là người đại diện hợp pháp cửa hiệu mua bán vật tư nông nghiệp, lúa giống O Hên); địa chỉ: Số 188, ấp 2B, xã 2C, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – vắng mặt.

5. Nguyễn Văn P, sinh năm: 1970 (là người đại diện hợp pháp O kinh doanh Hùng Nguyên); địa chỉ: Khu vực 1, phường 2, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang – vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Đặng Thanh K, sinh năm: 1985, địa chỉ: Ấp Z, xã K, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – vắng mặt.

2. Lê G, sinh năm: 1968, địa chỉ: Ấp T, xã TK, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng – vắng mặt.

3. Trần Văn X, sinh năm: 1967, địa chỉ: Ấp T, xã TK, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/01/2016 Lê Văn A ký kết hợp đồng lao động không thời hạn số 01012016/HĐLĐ-SHG với Công ty TNHH SGH.GR (gọi tắt là Công ty) do ông Đào Văn H làm giám đốc, theo hợp đồng thì A đảm nhận công việc nhân viên kinh doanh, theo hợp đồng có quy định "Nhân viên phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chính sách đại lý công nợ, thu tiền... thuộc khu vực mình phụ trách (tại hai tỉnh Sóc Trăng và Hậu Giang), chịu trách nhiệm về công nợ, thời gian thu hồi công nợ... sau khi thu tiền của đại lý phải chuyển về cho Công ty nếu xảy ra mất mát thì phải chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật và thu tiền phải báo và nộp về công ty ngay hoặc không quá hai ngày làm việc kể từ khi nhân viên nhận được tiền từ đại lý.

Tuy nhiên từ tháng 1/2017 bị cáo A nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền bán hàng thu được từ các đại lý của Công ty; Cụ thể như sau:

1. Ngày 04/3/2017, O kinh doanh cá thể Trần Văn X (Năm Vở) đặt 90 bao phân ENZIM BOOM của Công ty SGH.GR, ngày 16/3/2017 khi giao Hng thì đại lý Năm Vở không nhận hàng nhưng A không báo về Công ty theo quy định mà tự ý lấy toàn bộ số hàng nêu trên đến gửi ông Lê G ở ấp Hòa Lộc 1, xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng nhờ bán dùm; sau khi bán được số tiền 13.500.000 đồng, ông G đưa lại cho A, A đã chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 30/4/2017, A tiếp tục đến đại lý Năm Vở thu số tiền 3.150.000 đồng và dùng tiêu xài cá nhân hết, tổng cộng A chiếm đoạt của công ty TNHH SGH.GR trong lần này số tiền là 16.650.000 đồng.

2. Ngày 20/01/2017, A đến cửa Hng VTNN Bảo Nhi gặp ông Huỳnh Văn S người làm thuê cho ông Lý Ngọc P thu số tiền nợ còn lại từ kỳ trước của công ty TNHH SGH.GR là 6.904.000 đồng, nhưng A không nộp về công ty theo quy định mà tiêu xài cá nhân hết, tổng cộng A chiếm đoạt của công ty TNHH SGH.GR trong lần này số tiền là 6.904.000 đồng.

3. Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 13/6/2017, O kinh doanh Hồ Thị Mỹ T do chị Tr và chồng là anh J đặt hàng của Công ty với tổng số tiền 62.400.000 đồng. Ngày 15/3/2017 chị Tr và anh J trả cho A 12.736.000 đồng, đến ngày 06/4/2017, chị Tr và anh J tiếp tục trả cho A số tiền 27.009.000 đồng nhưng A không nộp về công ty mà tự ý chiếm đoạt tiêu xài cá nhân hết, tổng cộng A chiếm đoạt của công ty TNHH SGH.GR trong lần này số tiền là 39.745.000 đồng.

4. Ngày 20/3/2017, O kinh doanh cá thể Phan Văn O đặt Công ty lô hàng gồm: 05 can phân bón nhãn hiệu Ensure loại 201; 04 xô phân bón kali 2 nhân 20; 32 chai lân kẽm; 32 chai phân bón dinh dưỡng nuôi trái non; 32 chai siêu tẩy da cám, da lu (Hóa đơn đặt hàng số 93 và phiếu xuất hàng số 93 ngày 20/3/2017). Tuy nhiên khi

giao đã hết hàng loại siêu tẩy da lu, da cám nên khi Công ty giao hàng thì ông O không nhận hàng, A không báo về công ty mà đem toàn bộ số Hng trên đến gửi anh Đặng Thanh K, sinh năm 1985 là chủ đại lý Ba Thê ở ấp Z, xã K, huyện Châu Thành A nhờ bán dùm, tại phiên tòa bị cáo khai nhận chiếm đoạt lô hàng có giá trị 15.460.000 đồng này.

5. Vào ngày 15/01/2017 O kinh doanh Mùa Vàng do chị Nguyễn Thị Ngọc Y làm chủ có đặt A lô hàng trị giá 12.360.000 đồng; ngày 13/3/2017, chị Yến trả cho A 6.000.000 đồng; ngày 02/5/2017, A tiếp tục đến thu số tiền 5.124.000 đồng, tổng cộng là 11.124.000 đồng (thu ít hơn số tiền 12.360.000 đồng là do A nói trừ chiếc khẩu), số tiền này A không chuyển về cho công ty theo quy định mà tiêu xài cá nhân hết, tổng cộng A chiếm đoạt của công ty TNHH SGH.GR trong lần này số tiền là 11.124.000 đồng.

6. O kinh doanh Hùng Nguyên do Nguyễn Văn P đứng tên đại diện dùm cho Lê Thị Ngọc Thương, mọi giao dịch do bà Thương thực hiện: Vào ngày 24/10/2016, O kinh doanh Hùng Nguyên đặt lô hàng gồm: 32 chai siêu kích đột; 32 chai lân kềm; 32 chai Kaboca; 32 chai Zn Cu Ca; 32 chai siêu dưỡng lá rễ; 02 thùng đạm 5kg; 3 xô đạm 2 lá; 20 gói Humic Chelate; 20 gói MancuZn photphorus; 02 thùng can Ensure 5l; 01 can Ensure với tổng số tiền phải thanh toán là 24.310.000 đồng, khi nhận hàng bà Thương trả cho A số tiền 4.310.000 đồng, A đã chuyển số tiền này về công ty. Do bán chậm nên đại lý Hùng Nguyên liên hệ với A yêu cầu trả hàng nhưng A không báo lại cho công ty mà tự ý đến đại lý nhận số tiền 2.500.000 đồng và đem hàng đến đại lý Ba Thê tại ấp Z, xã K, huyện Châu THnh A, tỉnh Hậu Giang do anh Đặng Thanh K làm chủ nhờ bán dùm, một thời gian sau do ông K không bán được nên A đem lô hàng quay trở lại đại lý Hùng Nguyên gửi nhờ bán dùm để chiếm đoạt, như vậy theo đối chiếu công nợ thì số tiền A chiếm đoạt trong lô hàng này là 20.000.000 đồng.

Đào Văn H là giám đốc công ty TNHH SGH.GR, sau khi phát hiện sự việc đã cử nhân viên đến đối chiếu công nợ với các O kinh doanh đã mua hàng của Công ty TNHH SGH.GR và biết được bị cáo A thu tiền hàng không giao nộp về Công ty theo quy định mà lấy tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 22/6/2017, ông H có đơn tố cáo đối với Lê Văn A. Qua điều tra chứng minh được tổng số tiền và hàng hóa mà Lê Văn A chiếm đoạt của công ty TNHH SGH.GR là 109.883.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS-HCTA ngày 09/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang đã truy tố Lê Văn A về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Lê Văn A. Sau khi phân tích tính chất, mức

độ, hành vi nguy hiểm cho xã hội; nhân thân và tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đồng thời đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 140, các điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn A mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và bị hại tự nguyện thỏa thuận là bị cáo chỉ có nghĩa vụ trả lại số tiền đã chiếm đoạt 82.613.000 đồng và lô hàng vật chứng đã thu giữ trong vụ án cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo phải trả đủ số tiền 109.883.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng thu giữ trong vụ án do bị hại có yêu cầu được nhận lại nên chấp nhận trả lại cho bị hại vật chứng gồm: 04 xô phân bón kali 2 nhân 20 nhãn hiệu Apsara; 15 chai phân bón dinh dưỡng nuôi trái non, nhãn hiệu Apsara; 32 chai phân bón lân kẽm nhãn hiệu Apsara; 02 can phân bón Ensure nhãn hiệu Apsara; 03 xô phân bón đạm 2 lá loại 22kg nhãn hiệu Apsara; 32 chai phân bón lân kẽm, 32 chai phân bón Zn Cu Ca nhãn hiệu Apsara; 20 gói phân bón ManCuZn – Phosphorus nhãn hiệu Apsara.

Luật sư Nguyễn Tiến Chinh bào chữa: Quá trình điều tra, xét xử bị cáo A có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần; nhiều tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ hậu quả, phạm tội lần đầu, chưa tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là trụ cột trong gia đình, con còn nhỏ, cha bị bệnh, có ông nội có công cách mạng, tại phiên tòa bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng gồm điểm b, p khoản 1 khoản 2 Điều 46 và áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và đề nghị xem xét tính khoan hồng của pháp luật cân nhắc áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) cho bị cáo được hưởng treo để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm của bản thân.

Bị cáo Lê Văn A thống nhất lời bào chữa của luật sư, thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Đào Văn H xin Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự hoặc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng án treo vì thấy gia đình bị cáo khó khăn; về trách nhiệm dân sự chỉ yêu cầu bị cáo nghĩa vụ trả lại số tiền đã chiếm đoạt 82.613.000 đồng và lô hàng vật chứng đã thu giữ trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xem là hợp pháp.

[1.2] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Xét thấy, quá trình điều tra cũng có cung cấp lời khai rõ ràng, sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về việc áp dụng pháp luật: Được thực hiện theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội.

[3] Xét về nội dung vụ án:

[3.1] Xét cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát: Căn cứ vào quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và lời thừa nhận tội của bị cáo Lê Văn A đã chứng minh được bị cáo Lê Văn A bằng hình thức hợp đồng làm việc cho công ty TNHH SGH.GR, được công ty TNHH SGH.GR tín nhiệm giao nhiệm vụ làm nhân viên kinh doanh phụ trách vùng hai tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang, thay vì thực hiện đúng các quy định của công ty TNHH SGH.GR Lê Văn A lại lạm dụng sự tín nhiệm đã dùng thủ đoạn gian dối với công ty TNHH SGH.GR trong việc mua bán với các hộ đăng ký kinh doanh, thu tiền bán hàng của Công ty từ các hộ đăng ký kinh doanh trong khoảng thời gian từ tháng 01/2017 đến tháng 5/2017 và chiếm đoạt tiền của công ty TNHH SGH.GR số tiền Hng là 109.883.000 đồng để tiêu xài cho mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo Lê Văn A đã cấu thành Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu THnh A đã truy tố Lê Văn A theo điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3.2] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa bị cáo Lê Văn A đã thừa nhận trong thời gian thực hiện hành vi chiếm đoạt bị cáo đã trên năm lần nhận tiền từ các hộ kinh doanh và đại lý, từng lần nhận trên năm lần đủ định lượng 4.000.000 đồng trở lên với cùng loại hành vi xâm phạm sở hữu nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3.3] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự có tính chất chuyên nghiệp: Theo hướng dẫn tiêu chuẩn 5.1 mục 5 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân Tối cao thì chỉ áp dụng tình tiết "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp" khi có đầy đủ các điều kiện "*a) Cố ý phạm tội từ năm lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xoán án tích; b) Người phạm tội đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính*". Đối chiếu với hướng dẫn và kết quả điều tra, cũng như lời khai tại phiên tòa bị cáo A thừa nhận đã trên năm lần thực hiện về cùng một tội phạm nhưng bị cáo không lấy đó làm nghề sinh sống và nguồn sống chính của bị cáo, ngoài lương đi làm công ty trả còn có thu nhập từ làm thuê của vợ nên chưa thỏa mãn tình tiết tăng nặng là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa chứng minh được bị cáo đã tự nguyện nộp lại xong toàn bộ số tiền hành chiếm đoạt là 109.883.000 đồng để sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tại phiên tòa phía bị hại ông Đào Văn H xin miễn trách nhiệm hình sự hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có ông nội tên Lê Văn Thọ có công với cách mạng được Nhà Nước nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất (có xác nhận của Công an xã Cẩm A, huyện Cai Lậy); bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự; có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[5] Xét hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Bị cáo thực hiện với Hành vi lỗi cố ý trực tiếp, phạm tội nhiều lần, hành vi diễn ra liên tục trong một thời gian dài và chỉ dừng lại khi bị tố giác nên có thể thấy hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ nên cần có mức án thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật cần thiết áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật đã quy định nhưng trong khung hình phạt liền kề đối với bị cáo là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại chỉ yêu cầu nhận lại số tiền bị cáo A chiếm đoạt là 82.613.000 đồng và nhận lại lô hàng vật chứng trong vụ án mà không yêu cầu tổng số tiền, hàng là 109.883.000 đồng, bị cáo đồng ý có nghĩa vụ bồi thường, khắc phục hậu quả theo yêu cầu của bị hại, đây là sự tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền bị cáo nộp 109.833.000 đồng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án gồm trả cho bị hại số tiền bị chiếm đoạt là 82.613.000 đồng, trả lại cho bị cáo số tiền 27.270.000 đồng; đối với các vật chứng là 04 xô phân bón kali 2 nhãn 20 nhãn hiệu Apsara; 15 chai phân bón dinh dưỡng nuôi trái non, nhãn hiệu Apsara; 32 chai phân bón lân kẽm nhãn hiệu Apsara; 02 can phân bón Ensure nhãn hiệu Apsara; 03 xô phân bón đạm 2 lá loại 22kg nhãn hiệu Apsara; 32 chai phân bón lân kẽm, 32 chai phân bón Zn Cu Ca nhãn hiệu Apsara; 20 gói phân bón ManCuZn – Phosphorus nhãn hiệu Apsara do bị hại có yêu cầu nhận nên trả lại cho bị hại.

[8] Xét ý kiến bào chữa của luật sư và bị cáo: Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự luật sư đề nghị áp dụng điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, đối với đề nghị áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 cho bị cáo được hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, theo hướng dẫn tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/HĐTP, ngày 15/5/2018 hướng dẫn Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao thì không cho hưởng án treo đối với người phạm tội nhiều lần nhưng trong vụ án này chứng minh được bị cáo phạm tội nhiều lần và hành vi, tính chất, mức độ rất nguy hiểm cần phải xử lý nghiêm vì vậy không có cơ sở chấp nhận đề nghị cho hưởng án treo theo đề nghị của luật sư và bị cáo.

[9] Xét yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự hoặc cho bị cáo hưởng án treo của bị hại là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, bị cáo là người thực hiện tội phạm nghiêm trọng do cố ý nên không thỏa mãn điều kiện được miễn theo quy định tại Điều 25 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và khoản 3 Điều 29 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và bị cáo phạm tội nhiều lần, căn cứ vào hành vi, tính chất, mức độ nên cần phải có hình phạt tương xứng mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm nên không chấp nhận cho hưởng án treo.

[10] Đối với ông Lê G và ông Đặng Thanh K đã có hành vi bán hàng hóa dùm cho A nhưng quá trình điều tra chứng minh được ông G và ông Phong không biết sự việc A chiếm đoạt hàng của Công ty TNHH SGH.GR nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều khoản áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[12] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Xử phạt: Lê Văn A 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bị cáo Lê Văn A có nghĩa vụ trả lại số tiền đã chiếm đoạt 82.613.000 đồng (tám mươi hai triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng) cho bị hại Công ty TNHH SGH.GR (do ông Đào Văn H là người đại diện hợp pháp nhận);

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Số tiền 109.883.000 đồng (một trăm lẻ chín triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng) bị cáo đã tạm nộp trong quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử được xử lý:

Trả lại cho bị hại số tiền 82.613.000 đồng (tám mươi hai triệu sáu trăm mười ba nghìn đồng) là số tiền bị cáo chiếm đoạt;

Trả lại cho bị cáo số tiền còn lại 27.270.000 đồng (hai mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng);

Trả lại cho bị hại 04 xô phân bón kali 2 nhãn hiệu Apsara; 15 chai phân bón dinh dưỡng nuôi trái non, nhãn hiệu Apsara; 32 chai phân bón lân kẽm nhãn hiệu Apsara; 02 can phân bón Ensure nhãn hiệu Apsara; 03 xô phân bón đạm 2

lá loại 22kg nhãn hiệu Apsara; 32 chai phân bón lân kẽm, 32 chai phân bón Zn Cu Ca nhãn hiệu Apsara; 20 gói phân bón ManCuZn – Phosphorus nhãn hiệu Apsara.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Oi buộc bị cáo Lê Văn A phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 4.130.650 đồng (bốn triệu một trăm ba mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/10/2018. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư Pháp tỉnh Hậu Giang;
- Viện KSND huyện Châu THnh A;
- Công an huyện Châu THnh A;
- Chi cục THADS huyện Châu THnh A;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tâm